TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy

2. Bà Nguyễn Thúy Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Lại Văn Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2020:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Tuấn A; địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đỗ Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 01 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại gia đình anh Tuấn A ở thôn V, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, từ đó cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Do vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Tuấn A.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A có 03 con chung là Đỗ Thị Trang N, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2012; Đỗ Tuấn Đ, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Đỗ Tuấn L, sinh ngày 28 tháng 08 năm 2016. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung Đỗ Thị Trang N và Đỗ Tuấn L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Giao con chung Đỗ Tiến Đ cho anh Tuấn A nuôi dưỡng. Hiện tại chị đang là giáo viên nên có điều kiện về thời gian và thu nhập để nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, mặt khác con chung Đỗ Tuấn Lộc còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Anh Đỗ Tuấn A yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung Đỗ Tuấn Đ và Đỗ Tuấn L sau ly hôn chị không chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh Tuấn A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Đỗ Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Tuấn A xác định lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Do tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn và cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể khắc phục, đoàn tụ được, hôn nhân không có hạnh phúc, hai bên sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết hai bên ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung họ tên và ngày tháng năm sinh của các con chung như chị T đã trình bày là đúng sự thật. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi con chung Đỗ Tuấn Lộc, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2016 và Đỗ Tuấn Đạt, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015. Giao con chung Đỗ Thị Trang Nhung, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2012 cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh Tuấn A thống nhất với quan điểm của chị T hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung: Anh Đỗ Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Trang N, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2012 và Đỗ Tuấn L, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Giao con chung Đỗ Tuấn Đ, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho an Đỗ Tuấn A nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, sống ly thân hơn một năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Tuấn A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ vợ chồng và đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh Tuấn A đưa ra là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A có 03 con chung là Đỗ Thị Trang N, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2012; Đỗ Tuấn Đ, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Đỗ Tuấn L, sinh ngày 28 tháng 08 năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Thị Trang N và Đỗ Tuấn L cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Đỗ Tuấn Đ cho anh Tuấn A nuôi

dưỡng sau ly hôn. Còn anh Đỗ Tuấn A có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung Đỗ Tuấn Đ và Đỗ Tuấn L cho anh nuôi dưỡng. Giao con chung Đỗ Thị Trang N cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, tài liệu xác minh hiện tại cả chị T và anh Tuấn A đều có thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, hiện tại chị T là giáo viên cháu Đỗ Tuấn L mới gần bốn tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, anh Tuấn A là công nhân, thời gian làm việc không ổn định theo lời trình bày của anh Tuấn A và Công ty nơi anh Tuấn A làm việc cung cấp khi Công ty có việc anh Tuấn A phải làm ca theo yêu cầu của Công ty nên thời gian chăm sóc giáo dục con chung của chị T nhiều hơn anh Tuấn A, Mặt khác cháu N cũng có nguyện vọng ở với chị T nên để giữ sự ổn định trong việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự, nguyện vọng của con chung nên giao con chung Đỗ Thị Trang N và Đỗ Tuấn L cho chị T nuôi dưỡng, giao con chung Đỗ Tuấn Đ cho anh Tuấn A nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn chị T và anh Tuấn A không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Quan điểm của anh Tuấn A đề nghị Tòa án giao hai con chung Đỗ Tuấn Đ và Đỗ Tuấn L cho anh nuôi dưỡng sau ly hôn không có cơ sở chấp nhận. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Trang N, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2012 và Đỗ Tuấn L, sinh ngày 28 tháng 08 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giao con chung Đỗ Tuấn Đ, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho anh Đỗ Tuấn A nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp (Biên lai thu tiền số 0012617 ngày 01 tháng 06 năm 2020) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Tuấn A được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Nguyễn Thị Lợi** **Trương Minh Huế**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
-Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế